

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, thay thế; sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình chuyên ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC;

Căn cứ các Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng Bộ Xây dựng số: 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020, 477/QĐ-BXD ngày 29/4/2021, 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021, 705/QĐ-BXD ngày 11/6/2021, 960/QĐ-BXD ngày 26/8/2021, 1039/QĐ-BXD ngày 13/9/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 149/TTr-SYT ngày 19/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC mới ban hành, thay thế; sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình chuyên ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh. Chi tiết tại Phụ lục I, II, III kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các TTHC hoặc các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn Thông Đắk Lắk, Bưu điện tỉnh;
- Các Phòng, TT: TH, KGVX, PVHCC, QLCTTĐT;
- Lưu: VT, KSTTHC (HLy_3).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Hà

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THAY THẾ; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC XÂY DỰNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG								
01	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.	2		
02	Cho ý kiến về việc các công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		2		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
II. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG								
01	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	150.000 đồng/chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;	4	x	x
02	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		500.000 đồng/chứng chỉ	- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	4	x	x
III. LĨNH VỰC NHÀ Ở								
01	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.	2	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
	Nghị định số 99/2015/NĐ-CP							
02	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.	2	x	x
03	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trồng trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		2	x	x

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH
(*đã công bố tại Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh*)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG								
01	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	2.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	4		
02	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh cho nhà thầu nước ngoài thuộc dự án nhóm B, C	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Chưa quy định cụ thể	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	4		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
03	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	300.000 đồng/ chứng chỉ	<p>- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;</p> <p>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	4	x	x
04	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		150.000 đồng/ chứng chỉ		4	x	x
05	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		150.000 đồng/ chứng chỉ		4	x	x
06	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		150.000 đồng/ chứng chỉ		4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
07	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	150.000 đồng/ chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	4	x	x
08	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân người nước ngoài	25 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		150.000 đồng/ chứng chỉ		4	x	x
09	Cấp chứng chỉ năng lực lần đầu hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1.000.000 đồng/ chứng chỉ		4	x	x
10	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		500.000 đồng/ chứng chỉ		4	x	x
11	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		500.000 đồng/ chứng chỉ		4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
12	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	500.000 đồng/ chứng chỉ	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	4	x	x

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH (đã công bố tại Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
LĨNH VỰC NHÀ Ở, KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN								
01	Chuyên nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; - Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.	2		
02	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ sở hữu	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.	2		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
03	Thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	30 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhà ở nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm thì thời hạn giải quyết là không quá 60 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. 	2		
04	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		2		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
05	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	45 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	2		
06	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.	3		

Phụ lục II

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THỂ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG,
SỞ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH CHUYÊN NGÀNH, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) THAY THỂ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG,
SỞ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH CHUYÊN NGÀNH (đã công bố tại Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 12/12/2019
của Chủ tịch UBND tỉnh)**

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG								
01	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Dự án nhóm A không quá 35 ngày, dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Tính theo tỷ lệ % trên tổng mức đầu tư dự án theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính.	4		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
02	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	<p>Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại. 	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Tính theo tỷ lệ % trên tổng mức đầu tư dự án theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	4		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
03	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án)	20 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	150.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
04	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	150.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
05	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	150.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
06	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	20 ngày đối với công trình kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	150.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
07	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	30.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
08	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyên/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyên/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyên trong đô thị/Dự án)	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	30.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4		

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) THAY THẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN (đã công bố tại Quyết định số 3702/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG								
01	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Dự án nhóm A không quá 35 ngày, dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Tính theo tỷ lệ % trên tổng mức đầu tư dự án theo Thông tư số 209/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính.	4		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
02	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	<p>Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại. 	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Tính theo tỷ lệ % trên tổng mức đầu tư dự án theo Thông tư số 210/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	4		

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
03	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	- Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép; - Công trình khác: 150.000 đồng/giấy phép.	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
04	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyên trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	- Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép; - Công trình khác: 150.000 đồng/giấy phép.	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
05	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	- Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép; - Công trình khác: 150.000 đồng/giấy phép.	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
06	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	- Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép; - Công trình khác: 150.000 đồng/giấy phép.	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
07	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	30.000 đồng/giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x

TT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
08	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	- Nhà ở riêng lẻ: 75.000 đồng/giấy phép; - Công trình khác: 150.000 đồng/giấy phép.	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08/7/2020 Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.	4	x	x

Phụ lục III

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG,
SỞ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH CHUYÊN NGÀNH, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG			
	1.007401	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III (đối với trường hợp bị thu hồi theo quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 44 a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)	- Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.
LĨNH VỰC NHÀ Ở			
01	1.007757	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.
02	1.007758	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ			
01	1.002562	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

02	1.002526	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.
03	1.002605	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt	
04	1.002580	Lấy ý kiến của các sở: Quy hoạch kiến trúc, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh	

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG, SỞ QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH CHUYÊN NGÀNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG			
	1.007254	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG			
	1.006938	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.